

Số: 1934/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của Kiểm toán nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 999/2020/UBTVQH14 ngày 16/9/2020 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội ban hành Chiến lược phát triển Kiểm toán nhà nước đến năm 2030 (giai đoạn 2021-2030);

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2342/QĐ-BTTTT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 440/QĐ-KTNN ngày 14/3/2019 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Chiến lược phát triển và Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của Kiểm toán nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Kiểm toán nhà nước, Giám đốc Trung tâm Tin học, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Kiểm toán nhà nước;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT, TTTH.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Trần Sỹ Thanh

BỘ TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của Kiểm toán nhà nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1934/QĐ-KTNN
ngày 17 tháng 1 năm 2021 của Tổng Kiểm toán nhà nước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (viết tắt là: CNTT) của Kiểm toán nhà nước (viết tắt là: KTNN) quy định các tiêu chí, phương pháp đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc KTNN.

2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Mục đích

1. Nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc KTNN (gọi tắt là: đơn vị trực thuộc).

2. Giúp Lãnh đạo KTNN, Lãnh đạo các đơn vị đánh giá đúng thực trạng, mức độ ứng dụng CNTT để từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT của KTNN.

3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động (CCVC) trong ứng dụng CNTT vào thực hiện nhiệm vụ.

4. Thu thập số liệu, thông tin, kết hợp đánh giá mức độ ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc KTNN để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, làm cơ sở để xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả công tác và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm của KTNN.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đánh giá mức độ ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc phải bảo đảm tính khoa học, trung thực, khách quan, minh bạch, công khai, dân chủ, công bằng, phản ánh đúng thực trạng ứng dụng CNTT của các đơn vị trực thuộc tại thời điểm đánh giá.

2. Quá trình đánh giá phải phản ánh đúng tình hình thực tế kết quả ứng dụng CNTT của từng đơn vị trực thuộc.

3. Các nội dung có liên quan đến bí mật nhà nước sẽ không thuộc phạm vi đánh giá.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung đánh giá

1. Nội dung đánh giá mức độ ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc bao gồm 02 nhóm tiêu chí sau:

- a) Sử dụng các phần mềm thương mại.
- b) Sử dụng các phần mềm nội bộ.

2. Nội dung đánh giá được điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với tình hình ứng dụng CNTT của KTNN.

Điều 5. Phương pháp và tiêu chí đánh giá, xếp hạng

1. Số liệu sử dụng để đánh giá

- Số liệu sử dụng để đánh giá được lấy từ báo cáo tự đánh giá của các đơn vị trực thuộc theo mẫu Phiếu kèm theo phương pháp đánh giá này. Các số liệu này được đối chiếu với số liệu do Trung tâm Tin học theo dõi trong năm đánh giá và được kiểm tra thực tế tại đơn vị (nếu cần).

- Mốc thời gian cho các số liệu thống kê: Từ ngày 01/11 năm trước đến hết ngày 30/10 của năm báo cáo, đánh giá.

2. Tiêu chí đánh giá và điểm tối đa cho từng nhóm tiêu chí

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	
		Khối các đơn vị tham mưu và sự nghiệp	Khối các KTNN chuyên ngành và KTNN khu vực
1	Sử dụng các phần mềm thương mại	40	40
2	Sử dụng các phần mềm nội bộ	160	160
2.1	Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành nội bộ	160	75
2.2	Ứng dụng CNTT trong quản lý hoạt động kiểm toán		85
Tổng điểm		200	200

Tiêu chí đánh giá và cách tính điểm chi tiết được trình bày tại Phụ lục I, II.

3. Tiêu chí đánh giá và cách tính điểm sẽ được điều chỉnh, bổ sung theo từng thời kỳ cho phù hợp với thực tiễn ứng dụng CNTT của KTNN.

4. Cách tính điểm xếp hạng cho các đơn vị trực thuộc

a) Đơn vị khối các đơn vị tham mưu và sự nghiệp

- Tiêu chí đánh giá và cách tính điểm chi tiết được quy định tại Phụ lục I.

- Xếp hạng các đơn vị: lấy tổng điểm của các nhóm tiêu chí, xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Trường hợp điểm bằng nhau, thứ tự xếp hạng sẽ do Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định.

b) Đơn vị khối các KTNN chuyên ngành và KTNN khu vực

- Tiêu chí đánh giá và cách tính điểm chi tiết được quy định tại Phụ lục II.

- Xếp hạng các đơn vị trực thuộc: lấy tổng điểm của các nhóm tiêu chí, xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Trường hợp điểm bằng nhau, thứ tự xếp hạng sẽ do Hội đồng đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của KTNN xem xét, quyết định.

5. Các trường hợp không được tính điểm (điểm bằng 0 đối với từng tiêu chí):

- Số liệu, thông tin không đúng với thực tế.

- Không có tài liệu chứng minh khi có yêu cầu cung cấp.

Điều 6. Quy trình đánh giá

Việc tổ chức triển khai đánh giá được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Các đơn vị trực thuộc tự đánh giá và gửi báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của đơn vị mình (theo mẫu Phiếu tại Phụ lục III, IV) về Trung tâm Tin học trước ngày 05 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Trung tâm Tin học tổng hợp số liệu, thông tin từ báo cáo của các đơn vị trực thuộc theo quy định của phương pháp đánh giá; lập dự thảo Báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của KTNN theo mẫu tại Phụ lục V.

3. Trung tâm Tin học trình Lãnh đạo KTNN (Qua Vụ Tổ chức cán bộ) thành lập Hội đồng đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của KTNN (gọi tắt là Hội đồng đánh giá).

Thành phần Hội đồng đánh giá gồm: Lãnh đạo KTNN (Chủ tịch Hội đồng), Trung tâm Tin học (Thường trực Hội đồng), Văn phòng KTNN, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tổng hợp, Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Thanh tra KTNN và một số đơn vị trực thuộc có liên quan.

4. Hội đồng đánh giá họp, xem xét đánh giá Dự thảo Báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của KTNN do Trung tâm Tin học lập; kiểm tra, đối chiếu thực tế (nếu cần).

5. Trung tâm Tin học tiếp thu ý kiến của Hội đồng đánh giá, chỉnh sửa hoàn thiện Báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của KTNN, trình Lãnh đạo KTNN ban hành.

6. Công bố Báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của KTNN trước ngày 25/12 (trước khi đánh giá kết quả công tác và bình xét thi đua khen thưởng của KTNN) của năm đánh giá.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc

1. Trung tâm Tin học

- a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc thực hiện Quyết định này.
- b) Tổng hợp báo cáo đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các đơn vị, báo cáo Hội đồng đánh giá và trình Lãnh đạo KTNN phê duyệt.
- c) Hằng năm tiến hành rà soát, đề xuất, tham mưu Lãnh đạo KTNN sửa đổi, bổ sung các nội dung, tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tiễn ứng dụng CNTT của KTNN.
- d) Nghiên cứu ứng dụng CNTT vào công tác đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của các đơn vị trực thuộc nhằm tiết kiệm thời gian, thuận tiện, chính xác, kịp thời, đánh giá đúng tình hình ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc.

2. Văn phòng Kiểm toán nhà nước

- a) Tham mưu cho Tổng KTNN đưa tiêu chí chấm điểm ứng dụng CNTT vào tiêu chí chấm điểm thi đua hàng năm đối với các đơn vị trực thuộc.
- b) Căn cứ kết quả ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc tại Báo cáo đánh giá mức độ ứng dụng CNTT của KTNN hàng năm, tham mưu Hội đồng thi đua khen thưởng của KTNN đánh giá kết quả thi đua hàng năm và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các đơn vị thực hiện tốt việc ứng dụng CNTT.

3. Các đơn vị trực thuộc

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện tự đánh giá mức độ ứng dụng CNTT tại đơn vị mình và gửi Báo cáo đánh giá đảm bảo đúng thời gian theo quy định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, trung thực của số liệu báo cáo.

Điều 8. Giải quyết vướng mắc

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Trung tâm Tin học để tổng hợp, trình Tổng KTNN xem xét, quyết định. /.



Trần Sỹ Thanh

Phụ lục I
BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số 200/QĐ-KTNN ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Tổng Kiểm toán nhà nước)

(Dành cho các đơn vị khối tham mưu và đơn vị sự nghiệp: Văn phòng KTNN, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tổng hợp, Vụ Chế độ và kiểm soát chất lượng kiểm toán, Vụ pháp chế, Vụ Hợp tác quốc tế, Thanh tra KTNN, Văn phòng Đảng - Đoàn thể, Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán, Báo Kiểm toán, Trung tâm Tin học)

I. Sử dụng các phần mềm thương mại (07 tiêu chí; 40 điểm)

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tổng điểm		40	
1	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm Hệ điều hành bản quyền (Windows) (là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	6	
2	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm văn phòng bản quyền (Office) (là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	6	
3	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm diệt Virus bản quyền (là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	8	
4	CCVC của đơn vị có thường xuyên sao lưu dữ liệu để tránh mất dữ liệu, bị virus phá hoại không? (Thường xuyên được hiểu là: trong 01 tháng thực hiện sao lưu dữ liệu tối thiểu 01 lần)	Có	5	
		Không	0	

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5	CCVC của đơn vị có thường xuyên sử dụng thư điện tử KTNN trong công việc không? <i>(Thường xuyên được hiểu là: khi có việc công phải trao đổi qua thư điện tử thì sử dụng thư điện tử của KTNN để gửi nhận)</i>	Có	5	
		Không	0	
6	CCVC của đơn vị có sử dụng phần mềm tẩy xóa dữ liệu để xóa dữ liệu cá nhân lưu trên máy tính khi bàn giao máy tính cho người khác sử dụng và xóa toàn bộ dữ liệu lưu trên máy tính khi nhập kho thanh lý không?	Có	5	
		Không	0	
7	Khi đơn vị có người nghỉ hưu, thôi việc, thay đổi vị trí công tác, thay đổi đơn vị, đơn vị có kịp thời báo cho TTTT để thu hồi, thay đổi chứng thư số không?	Có	5	
		Không	0	

II. Sử dụng các phần mềm nội bộ (10 tiêu chí; 160 điểm)

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tổng điểm		160	
1	Tỷ lệ văn bản đến được luân chuyển và xử lý trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đến được luân chuyển, xử lý trên phần mềm/tổng số văn bản đến của đơn vị)</i>	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	20	
2	Tỷ lệ văn bản đi được phát hành trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đi phát hành trên phần mềm/tổng số văn bản đi của đơn vị)</i>	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	20	
3	Tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số trên phần mềm	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	20	

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<i>(là số lượng văn bản đi sử dụng chữ ký số/ tổng số văn bản đi trên phần mềm)</i>			
4	Tỷ lệ cập nhật Lịch làm việc trên phần mềm <i>(là số tuần cập nhật Lịch làm việc của đơn vị trên phần mềm/tổng số tuần trong một năm)</i>	$Điểm = Tỷ\ lệ * Điểm\ tối\ đa$	15	
5	Tỷ lệ số CCVC tự bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin cá nhân thay đổi, tự cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>	$Điểm = Tỷ\ lệ * Điểm\ tối\ đa$	20	Phạm vi dữ liệu cập nhật theo quy định tại Quyết định 1327/QĐ-KTNN ngày 25/9/2020
6	Tỷ lệ số CCVC được đơn vị bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin thay đổi được đơn vị cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>		20	Phạm vi dữ liệu cập nhật theo quy định tại Quyết định 1327/QĐ-KTNN ngày 25/9/2020
7	Tỷ lệ số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần mềm <i>(là số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần mềm/số cuộc khảo sát của KTNN tổ chức khảo sát trên phần mềm trong năm)</i>	$Điểm = Tỷ\ lệ * Điểm\ tối\ đa$	10	Tính đầy đủ là 100% đối tượng được khảo sát của đơn vị thực hiện khảo sát trên phần mềm
8	Đơn vị có tham gia đầy đủ, kịp thời việc xây dựng kế hoạch đào	Có	10	

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	tạo hàng năm của KTNN trên phần mềm không?	<i>Không</i>	0	
9	Tỷ lệ số lớp cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin trên phần mềm. (là số lớp được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm/tổng số lớp do đơn vị tổ chức đào tạo hàng năm)	$\text{Điểm} = \text{Tỷ lệ} * \text{Điểm tối đa}$	10	Phạm vi cập nhật dữ liệu của đơn vị theo quy định tại Quyết định số 1076/QĐ-KTNN ngày 18/6/2021
10	Tỷ lệ CCVC cài đặt và sử dụng ứng dụng điều hành trên thiết bị di động (App KTNN) trong đơn vị (là số lượng CCVC của đơn vị cài đặt và sử dụng App KTNN/tổng số CCVC của đơn vị)	$\text{Điểm} = \text{Tỷ lệ} * \text{Điểm tối đa}$	20	

Phụ lục II
BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

*(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-KTNN ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Tổng Kiểm toán nhà nước)*

(Dành cho các đơn vị khối KTNN chuyên ngành và KTNN khu vực: KTNN chuyên ngành Ia, Ib, II, III, IV, V, VI, VII; KTNN khu vực I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII)

I. Sử dụng các phần mềm thương mại (07 tiêu chí; 40 điểm)

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tổng điểm		40	
1	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm Hệ điều hành bản quyền (Windows) <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	6	
2	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm văn phòng bản quyền (Office) <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	6	
3	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm diệt Virus bản quyền <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	8	
4	CCVC của đơn vị có thường xuyên sao lưu dữ liệu để tránh mất dữ liệu, bị virus phá hoại không? <i>(Thường xuyên được hiểu là: trong 01 tháng thực hiện sao lưu dữ liệu tối thiểu 01 lần)</i>	Có	5	
		Không		
5	CCVC của đơn vị có thường xuyên sử dụng thư điện tử KTNN trong công việc không?	Có	5	

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<i>(Thường xuyên được hiểu là: khi có việc công phải trao đổi qua thư điện tử thì sử dụng thư điện tử của KTNN để gửi nhận)</i>	Không	0	
6	CCVC của đơn vị có sử dụng phần mềm tẩy xóa dữ liệu để xóa dữ liệu cá nhân lưu trên máy tính khi bàn giao máy tính cho người khác sử dụng và xóa toàn bộ dữ liệu lưu trên máy tính khi nhập kho thanh lý không?	Có	5	
		Không	0	
7	Khi đơn vị có người nghỉ hưu, thôi việc, thay đổi vị trí công tác, thay đổi đơn vị, đơn vị có kịp thời báo cho TTTT để thu hồi, thay đổi chứng thư số không?	Có	5	
		Không	0	

II. Sử dụng các phần mềm nội bộ (18 tiêu chí; 160 điểm)

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tổng điểm		160	
I	Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành nội bộ		75	
1	Tỷ lệ văn bản đến được luân chuyển và xử lý trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đến được luân chuyển, xử lý trên phần mềm/tổng số văn bản đến của đơn vị)</i>	$\text{Điểm} = \text{Tỷ lệ} * \text{Điểm tối đa}$	10	
2	Tỷ lệ văn bản đi được phát hành trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đi phát hành trên phần mềm/tổng số văn bản đi của đơn vị)</i>	$\text{Điểm} = \text{Tỷ lệ} * \text{Điểm tối đa}$	10	
3	Tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đi sử dụng chữ ký số/tổng số văn bản đi trên phần mềm)</i>	$\text{Điểm} = \text{Tỷ lệ} * \text{Điểm tối đa}$	10	
4	Tỷ lệ cập nhật Lịch làm việc trên phần mềm	$\text{Điểm} = \text{Tỷ lệ} * \text{Điểm tối đa}$	10	

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<i>(là số tuần cập nhật Lịch làm việc của đơn vị trên phần mềm/tổng số tuần trong một năm)</i>			
5	Tỷ lệ số CCVC tự bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin cá nhân thay đổi, tự cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>	$Điểm = Tỷ lệ *$ $Điểm tối đa$	5	Phạm vi dữ liệu cập nhật theo quy định tại Quyết định 1327/QĐ-KTNN ngày 25/9/2020
6	Tỷ lệ số CCVC được đơn vị bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin thay đổi được đơn vị cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>	$Điểm = Tỷ lệ *$ $Điểm tối đa$	10	Phạm vi dữ liệu cập nhật theo quy định tại Quyết định 1327/QĐ-KTNN ngày 25/9/2020
7	Tỷ lệ số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần mềm <i>(là số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần mềm/số cuộc khảo sát của KTNN tổ chức khảo sát trên phần mềm trong năm)</i>	$Điểm = Tỷ lệ *$ $Điểm tối đa$	5	Tính đầy đủ là 100% đối tượng được khảo sát của đơn vị thực hiện khảo sát trên phần mềm
8	Đơn vị có tham gia đầy đủ, kịp thời việc xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm của KTNN trên phần mềm không?	Có	5	
		Không	0	
9	Tỷ lệ số lớp cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin trên phần mềm. <i>(là số lớp được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm/tổng số lớp do đơn vị tổ chức đào tạo hàng năm)</i>	$Điểm = Tỷ lệ *$ $Điểm tối đa$	5	Phạm vi cập nhật dữ liệu theo quy định tại Quyết định số 1076/QĐ-KTNN ngày 18/6/2021

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
10	Tỷ lệ CCVC cài đặt và sử dụng ứng dụng điều hành trên thiết bị di động (App KTNN) trong đơn vị (là số lượng CCVC của đơn vị cài đặt và sử dụng App KTNN/tổng số CCVC của đơn vị)	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	5	
II	Ứng dụng CNTT trong quản lý hoạt động kiểm toán		85	
1	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ trên phần mềm (là số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	10	Theo quy định tại Quyết định 1743/QĐ-KTNN ngày 21/11/2017
2	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời nhật ký kiểm toán trên phần mềm (là số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời nhật ký kiểm toán/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	10	Theo quy định tại Quyết định 662/QĐ-KTNN ngày 29/5/2020
3	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm toán trên phần mềm (là số cuộc kiểm toán đã phát hành báo cáo kiểm toán được cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm toán/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	15	Theo quy định tại Quyết định 1743/QĐ-KTNN ngày 21/11/2017
4	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị kiểm toán được cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán trên phần mềm (là số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị kiểm toán được cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán/tổng số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị đơn vị)	$Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa$	10	Theo quy định tại Quyết định 1743/QĐ-KTNN ngày 21/11/2017

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<i>thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)</i>			
5	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán có khiếu nại kiểm toán được cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán có khiếu nại kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời/tổng số cuộc kiểm toán có khiếu nại, kiến nghị kiểm toán của đơn vị tính đến thời điểm báo cáo)</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Nếu trong năm tính đến thời điểm báo cáo đơn vị không có cuộc kiểm toán nào có khiếu nại kiểm toán thì chấm điểm tối đa
6	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán có hồ sơ kiểm toán được đánh mã vạch theo quy định <i>(là số cuộc kiểm toán có hồ sơ kiểm toán được đánh mã vạch/tổng số cuộc kiểm toán của đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Theo quy định tại Quyết định số 04/2020/QĐ-KTNN ngày 14/12/2020
7	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán được số hóa đầy đủ, kịp thời hồ sơ kiểm toán trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán có Hồ sơ kiểm toán chung của Đoàn kiểm toán, Hồ sơ kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán, Hồ sơ kiểm soát chất lượng kiểm toán của kiểm toán trưởng được số hóa và lưu trữ trên phần mềm/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị phải thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo. Đối với các cuộc có hồ sơ kiểm toán do Trung tâm Tin học tổ chức thực hiện số hóa thì được tính là cuộc kiểm toán được số hóa đầy đủ, kịp thời)</i>		10	Phạm vi dữ liệu số hóa quy định tại Quyết định 1320/QĐ-KTNN ngày 16/7/2019
8	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại kiểm toán được số hóa đầy đủ, kịp thời hồ sơ trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại kiểm toán được số hóa và lưu trữ trên phần</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Phạm vi dữ liệu số hóa quy định tại Quyết định 1320/QĐ-KTNN ngày 16/7/2019

TT	Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	<p><i>mềm/tổng số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại mà đơn vị phải thực hiện số hoá trong năm, tính đến thời điểm báo cáo</i></p> <p><i>Nếu không có cuộc kiểm toán nào thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại kiểm toán thì chấm điểm tối đa)</i></p>			

Phụ lục III
PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN HÀNG NĂM CỦA ĐƠN VỊ

*(Kèm theo Quyết định số 194/QĐ-KTNN ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Tổng Kiểm toán nhà nước)*

(Dành cho các đơn vị Khối tham mưu và đơn vị sự nghiệp: Văn phòng KTNN, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tổng hợp, Vụ Chế độ và kiểm soát chất lượng kiểm toán, Vụ pháp chế, Vụ Hợp tác quốc tế, Thanh tra KTNN, Văn phòng Đảng - Đoàn thể, Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán, Báo Kiểm toán, Trung tâm Tin học)

MỤC 1. THÔNG TIN CHUNG

1. Năm báo cáo:
2. Tên đơn vị báo cáo:
3. Địa chỉ trụ sở đơn vị:
4. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị (CCVC): người.

MỤC 2. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CỦA ĐƠN VỊ.

I. Sử dụng các phần mềm thương mại (07 tiêu chí)

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	Tổng điểm				
1	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm Hệ điều hành bản quyền (Windows) <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>				
2	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm văn phòng bản quyền (Office) <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>				
3	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm diệt Virus bản quyền <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>				

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
4	CCVC của đơn vị có thường xuyên sao lưu dữ liệu để tránh mất dữ liệu, bị virus phá hoại không? (<i>Thường xuyên được hiểu là: trong 01 tháng thực hiện sao lưu dữ liệu tối thiểu 01 lần</i>)	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
5	CCVC của đơn vị có thường xuyên sử dụng thư điện tử KTNN trong công việc không? (<i>Thường xuyên được hiểu là: khi có việc công phải trao đổi qua thư điện tử thì sử dụng thư điện tử của KTNN để gửi nhận</i>)	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
6	CCVC của đơn vị có sử dụng phần mềm tẩy xóa dữ liệu để xóa dữ liệu cá nhân lưu trên máy tính khi bàn giao máy tính cho người khác sử dụng và xóa toàn bộ dữ liệu lưu trên máy tính khi nhập kho thanh lý không?	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
7	Khi đơn vị có người nghỉ hưu, thôi việc, thay đổi vị trí công tác, thay đổi đơn vị, đơn vị có kịp thời báo cho TTTT để thu hồi, thay đổi chứng thư số không?	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		

II. Sử dụng các phần mềm nội bộ (10 tiêu chí)

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	Tổng điểm				
1	Tỷ lệ văn bản đến được luân chuyển và xử lý trên phần mềm (<i>là số lượng văn bản đến được luân chuyển, xử lý trên phần mềm/tổng số văn bản đến của đơn vị</i>)				

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
2	Tỷ lệ văn bản đi được phát hành trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đi phát hành trên phần mềm/tổng số văn bản đi của đơn vị)</i>				
3	Tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đi sử dụng chữ ký số/ tổng số văn bản đi trên phần mềm)</i>				
4	Tỷ lệ cập nhật Lịch làm việc trên phần mềm <i>(là số tuần cập nhật Lịch làm việc của đơn vị trên phần mềm/tổng số tuần trong một năm)</i>				
5	Tỷ lệ số CCVC tự bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin cá nhân thay đổi, tự cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>				Phạm vi dữ liệu cập nhật theo quy định tại Quyết định 1327/QĐ-KTNN ngày 25/9/2020
6	Tỷ lệ số CCVC được đơn vị bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin thay đổi được đơn vị cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>				Phạm vi dữ liệu cập nhật theo quy định tại Quyết định 1327/QĐ-KTNN ngày 25/9/2020
7	Tỷ lệ số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần mềm				Tính đầy đủ là 100% đối tượng được khảo sát của

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	<i>(là số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần mềm/số cuộc khảo sát của KTNN tổ chức khảo sát trên phần mềm trong năm)</i>				đơn vị thực hiện khảo sát trên phần mềm
8	Đơn vị có tham gia đầy đủ, kịp thời việc xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm của KTNN trên phần mềm không?	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
9	Tỷ lệ số lớp cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin trên phần mềm. <i>(là số lớp được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm/tổng số lớp do đơn vị tổ chức đào tạo hàng năm)</i>				Phạm vi cập nhật dữ liệu của đơn vị theo quy định tại Quyết định số 1076/QĐ-KTNN ngày 18/6/2021
10	Tỷ lệ CCVC cài đặt và sử dụng ứng dụng điều hành trên thiết bị di động (App KTNN) trong đơn vị <i>(là số lượng CCVC của đơn vị cài đặt và sử dụng App KTNN/tổng số CCVC của đơn vị)</i>				

MỤC 3. THÔNG TIN KHÁC

Vui lòng cung cấp thêm thông tin khác về tình hình ứng dụng CNTT ngoài các nội dung nêu trên và các đề xuất, kiến nghị (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

MỤC 4. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- 1. Họ và tên:
- 3. Chức vụ:
- 4. Điện thoại:
- 5. Thư điện tử:

....., ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN HÀNG NĂM CỦA ĐƠN VỊ**

(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-KTNN ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Tổng Kiểm toán nhà nước)

(Dành cho các đơn vị Khối KTNN Chuyên ngành và KTNN khu vực: KTNN chuyên ngành Ia, Ib, II, III, IV, V, VI, VII; KTNN khu vực I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII)

MỤC 1. THÔNG TIN CHUNG

1. Năm báo cáo:
2. Tên đơn vị báo cáo:
3. Địa chỉ trụ sở đơn vị:
4. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị (CCVC): người.
5. Tổng số cuộc kiểm toán đơn vị thực hiện trong năm:

MỤC 2. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CNTT CỦA ĐƠN VỊ**I. Sử dụng các phần mềm thương mại (07 tiêu chí)**

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	Tổng điểm				
1	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm Hệ điều hành bản quyền (Windows) <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>				
2	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm văn phòng bản quyền (Office) <i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>				
3	Tỷ lệ máy tính của đơn vị được cài đặt và cập nhật phần mềm diệt Virus bản quyền				

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	<i>(là số lượng máy tính được cài đặt và cập nhật phần mềm/tổng số máy tính đang sử dụng tại đơn vị)</i>				
4	CCVC của đơn vị có thường xuyên sao lưu dữ liệu để tránh mất dữ liệu, bị virus phá hoại không? <i>(Thường xuyên được hiểu là: trong 01 tháng thực hiện sao lưu dữ liệu tối thiểu 01 lần)</i>	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
5	CCVC của đơn vị có thường xuyên sử dụng thư điện tử KTNN trong công việc không? <i>(Thường xuyên được hiểu là: khi có việc công phải trao đổi qua thư điện tử thì sử dụng thư điện tử của KTNN để gửi nhận)</i>	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
6	CCVC của đơn vị có sử dụng phần mềm tẩy xóa dữ liệu để xóa dữ liệu cá nhân lưu trên máy tính khi bàn giao máy tính cho người khác sử dụng và xóa toàn bộ dữ liệu lưu trên máy tính khi nhập kho thanh lý không?	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
7	Khi đơn vị có người nghỉ hưu, thôi việc, thay đổi vị trí công tác, thay đổi đơn vị, đơn vị có kịp thời báo cho TTTH để thu hồi, thay đổi chứng thư số không?	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		

II. Sử dụng các phần mềm nội bộ (18 tiêu chí)

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	Tổng điểm				
I	Ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành nội bộ				

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
1	Tỷ lệ văn bản đến được luân chuyển và xử lý trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đến được luân chuyển, xử lý trên phần mềm/tổng số văn bản đến của đơn vị)</i>				
2	Tỷ lệ văn bản đi được phát hành trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đi phát hành trên phần mềm/tổng số văn bản đi của đơn vị)</i>				
3	Tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số trên phần mềm <i>(là số lượng văn bản đi sử dụng chữ ký số/ tổng số văn bản đi trên phần mềm)</i>				
4	Tỷ lệ cập nhật Lịch làm việc trên phần mềm <i>(là số tuần cập nhật Lịch làm việc của đơn vị trên phần mềm/tổng số tuần trong một năm)</i>				
5	Tỷ lệ số CCVC tự bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin cá nhân thay đổi, tự cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>				
6	Tỷ lệ số CCVC được đơn vị bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trên phần mềm <i>(là số CCVC có thông tin thay đổi được đơn vị cập nhật trên phần mềm/tổng số CCVC có thông tin thay đổi của đơn vị)</i>				
7	Tỷ lệ số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần mềm <i>(là số cuộc khảo sát của KTNN mà đơn vị tham gia đầy đủ, kịp thời trên phần</i>				

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	<i>mềm/số cuộc khảo sát của KTNN tổ chức khảo sát trên phần mềm trong năm)</i>				
8	Đơn vị có tham gia đầy đủ, kịp thời việc xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm của KTNN trên phần mềm không?	Có	<input type="checkbox"/>		
		Không	<input type="checkbox"/>		
9	Tỷ lệ số lớp cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin trên phần mềm. <i>(là số lớp được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm/tổng số lớp do đơn vị tổ chức đào tạo hằng năm)</i>				
10	Tỷ lệ CCVC cài đặt và sử dụng ứng dụng điều hành trên thiết bị di động (App KTNN) trong đơn vị <i>(là số lượng CCVC của đơn vị cài đặt và sử dụng App KTNN/tổng số CCVC của đơn vị)</i>				
II	Ứng dụng CNTT trong quản lý hoạt động kiểm toán				
1	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)</i>				
2	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời nhật ký kiểm toán trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời nhật ký kiểm toán/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)</i>				
3	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả kiểm toán trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán đã phát hành báo cáo kiểm toán được cập nhật đầy đủ, kịp</i>				

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	<i>thời kết quả kiểm toán/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)</i>				
4	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị kiểm toán được cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán/tổng số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)</i>				
5	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán có khiếu nại kiểm toán được cập nhật dữ liệu đầy đủ, kịp thời trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán có khiếu nại kiểm toán cập nhật đầy đủ, kịp thời/tổng số cuộc kiểm toán có khiếu nại, kiến nghị kiểm toán của đơn vị tính đến thời điểm báo cáo)</i>				
6	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán có hồ sơ kiểm toán được đánh mã vạch theo quy định <i>(là số cuộc kiểm toán có hồ sơ kiểm toán được đánh mã vạch/tổng số cuộc kiểm toán của đơn vị thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo)</i>				
7	Tỷ lệ số cuộc kiểm toán được số hóa đầy đủ, kịp thời hồ sơ kiểm toán trên phần mềm <i>(là số cuộc kiểm toán có Hồ sơ kiểm toán chung của Đoàn kiểm toán, Hồ sơ kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán, Hồ sơ kiểm soát chất lượng kiểm toán của kiểm toán trưởng được số hóa và lưu trữ trên phần mềm/tổng số cuộc kiểm toán đơn vị</i>				

TT	Tiêu chí	Số liệu/tình hình thực hiện	Tỷ lệ % hoặc kết quả	Điểm	Ghi chú
	<p><i>phải thực hiện trong năm, tính đến thời điểm báo cáo.</i></p> <p><i>Đối với các cuộc có hồ sơ kiểm toán do Trung tâm Tin học tổ chức thực hiện số hóa thì được tính là cuộc kiểm toán được số hóa đầy đủ, kịp thời)</i></p>				
8	<p>Tỷ lệ số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại kiểm toán được số hóa đầy đủ, kịp thời hồ sơ trên phần mềm</p> <p><i>(là số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại kiểm toán được số hóa và lưu trữ trên phần mềm/tổng số cuộc kiểm toán thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại mà đơn vị phải thực hiện số hóa trong năm, tính đến thời điểm báo cáo</i></p> <p><i>Nếu không có cuộc kiểm toán nào thực hiện kiểm tra kiến nghị hoặc khiếu nại kiểm toán thì chấm điểm tối đa)</i></p>				

MỤC 3. THÔNG TIN KHÁC

Vui lòng cung cấp thêm thông tin khác về tình hình ứng dụng CNTT ngoài các nội dung nêu trên và các đề xuất, kiến nghị (nếu có):

.....

.....

MỤC 4. THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. Họ và tên:
3. Chức vụ:
4. Điện thoại:
5. Thư điện tử:

....., ngày tháng năm

Người lập báo cáo
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG ỨNG DỤNG CNTT
CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 1934/QĐ-KTNN ngày 17 tháng 11 năm 2021
của Tổng Kiểm toán nhà nước)

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-KTNN

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO**Về đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc KTNN****1. Căn cứ báo cáo**

.....

2. Khái quát tình hình ứng dụng CNTT tại KTNN

.....

3. Quá trình đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT

.....

4. Tổng hợp kết quả đánh giá ứng dụng CNTT

STT	Tên đơn vị	Đơn vị tự đánh giá			Ghi chú
		Tổng số điểm	Sử dụng các phần mềm thương mại	Sử dụng các phần mềm nội bộ	
1	2	$3=(4+5)/2$	4	5	6
A	Điểm tối đa	200	40	160	
B	Điểm chấm cho từng đơn vị:				
I	<i>Khối các KTNN chuyên ngành và KTNN khu vực</i>				
1	KTNN chuyên ngành Ia				

2	KTNN chuyên ngành Ib				
3	KTNN chuyên ngành II				
4	KTNN chuyên ngành III				
5	KTNN chuyên ngành IV				
6	KTNN chuyên ngành V				
7	KTNN chuyên ngành VI				
8	KTNN chuyên ngành VII				
9	KTNN khu vực I				
10	KTNN khu vực II				
11	KTNN khu vực III				
12	KTNN khu vực IV				
13	KTNN khu vực V				
14	KTNN khu vực VI				
15	KTNN khu vực VII				
16	KTNN khu vực VIII				
17	KTNN khu vực IX				
18	KTNN khu vực X				
19	KTNN khu vực XI				
20	KTNN khu vực XII				
21	KTNN khu vực XIII				
II	<i>Khối các đơn vị tham mưu và sự nghiệp</i>				
22	Văn phòng KTNN				

23	Vụ Tổ chức cán bộ				
24	Vụ Tổng hợp				
25	Vụ Pháp chế				
26	Vụ Chế độ & KSCLKT				
27	Vụ Hợp tác quốc tế				
28	Thanh tra KTNN				
29	Văn phòng Đảng - Đoàn thể				
30	Trường Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán				
31	Trung tâm Tin học				
32	Báo Kiểm toán				

5. Xếp hạng ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc KTNN

STT	Tên đơn vị	Tổng số điểm đơn vị tự đánh giá	Tổng số điểm do Hội đồng đánh giá chấm	Xếp hạng	Ghi chú
I	Khối các KTNN chuyên ngành và KTNN khu vực				
1				
2				
II	Khối các đơn vị tham mưu và sự nghiệp				
1				
2				

Ghi chú: Xếp hạng từ cao xuống thấp căn cứ vào tổng điểm do Hội đồng đánh giá chấm.

6. Đề xuất, kiến nghị

.....
.....
.....
.....
.....
.....